

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1100/SLĐT BXH-VP
V/v báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện
Đề án 161

Quảng Trị, ngày 19 tháng 6 năm 2020

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 2652/UBND -VX ngày 16/6/2020 của UBND tỉnh về báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Đề án 161, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (là cơ quan thường trực) đề nghị các Sở, ban, ngành, địa phương căn cứ các nhiệm vụ đã được phân công báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện các mục tiêu của cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN, bao gồm:

- Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Đề án 161 (mẫu 1).
- Đối với các ngành trực tiếp tham gia hợp tác ASEAN thuộc trụ cột Văn hóa - Xã hội ASEAN tại Việt Nam, gồm Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ngoài báo cáo sơ kết 5 năm, tối thiểu 01 Báo cáo sáng kiến/điển hình (mẫu 2).
- UBND các huyện, thị xã, thành phố ngoài báo cáo sơ kết 5 năm, tối thiểu 01 Báo cáo các câu chuyện tiêu biểu (mẫu 3).
- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội báo cáo 01 sáng kiến/điển hình (giao Phòng Bảo trợ xã hội), 01 báo cáo câu chuyện tiêu biểu (giao phòng Giáo dục nghề nghiệp).

Báo cáo gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, 131 Quốc lộ 9, Thành phố Đông Hà **trước ngày 30/6/2020** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (bản điện tử đề nghị gửi qua email ledieuthuan@quangtri.gov.vn).

Rất mong nhận được sự quan tâm phối hợp của Quý đơn vị, địa phương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phòng của Sở (phối hợp);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Phan Văn Linh

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-....., ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Sơ kết 5 năm thực hiện Đề án xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025
(Ban hành theo Quyết định 161/QĐ-TTg ngày 26/1/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Thực hiện Công văn số..... ngày về việc đánh giá 05 năm thực hiện Đề án xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025, ban hành theo Quyết định 161/QĐ-TTg ngày 26/1/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Đề án như sau:

I. KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2016– 2020

Phần này sẽ tập trung vào việc báo cáo những thành tựu, mức độ thực hiện các hoạt động đã đề ra trong Kế hoạch hành động của các đơn vị, địa phương để thực hiện Đề án 161. Từ đó, rút ra những thuận lợi, khó khăn và thách thức đối với quá trình thực hiện.

1. Rà soát, lồng ghép và tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án 161 trong kế hoạch, chính sách, chương trình của đơn vị, địa phương.

- Số lượng và tên các quyết định, đề án, kế hoạch/hoạt động triển khai đề án 161 từ 2016 - 5/2020 (kế hoạch/chương trình/đề án/hoạt động được xây dựng như thế nào? có bám sát và đáp ứng hết các yêu cầu của Đề án hay không? lý do?)

- Số lượng, mức độ (%) thực hiện kế hoạch đã đề ra, nếu lý do/nguyên nhân của việc đạt được kết quả đó.

- Việc thực hiện lồng ghép và tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án 161 trong kế hoạch, chính sách, chương trình của đơn vị, địa phương bao phủ trong cộng đồng như thế nào? (xã, huyện, dân cư, đối tượng ngành nghề, thành phần, lĩnh vực, nam nữ...). Nếu không có Đề án thì mức độ bao phủ này như thế nào?

- Thuận lợi, khó khăn trong lồng ghép và tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án 161 trong kế hoạch, chính sách, chương trình của đơn vị, địa phương.

2. Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN và Đề án 161.

- Số lượng nội dung/hoạt động đã/đang thực hiện.

- Các nội dung/hoạt động được thực hiện cụ thể như thế nào? Thực hiện ở mức độ nào so với kế hoạch đề ra?

- Số lượng và thành phần đối tượng hưởng lợi? Tỷ lệ được hưởng lợi so với tổng thể và so với trường hợp giả định không có Đề án.

- Nêu những thuận lợi, khó khăn trong triển khai nội dung này khi thực hiện Kế hoạch hành động của đơn vị, địa phương.

3. Tăng cường hệ thống thông tin, báo cáo, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các mục tiêu.

Về thông tin:

- Số lượng nội dung/hoạt động về thông tin và truyền thông đã/đang thực hiện;

- Nêu rõ cách thức tăng cường thông tin và truyền thông đã/đang thực hiện? thực hiện ở mức độ nào so với kế hoạch đề ra?

- Số lượng và thành phần đối tượng hưởng lợi? Tỷ lệ được hưởng lợi so với tổng thể và so với trường hợp giả định không có Đề án.

Về báo cáo đánh giá:

- Số lượng báo cáo: tiến độ hàng năm, giữa kỳ?

- Cơ chế báo cáo được thực hiện như thế nào (đầu mỗi tổng hợp xây dựng báo cáo, các đơn vị báo cáo ...), theo cấp nào?

- Nêu những thuận lợi, khó khăn trong triển khai nội dung này khi thực hiện Kế hoạch hành động của đơn vị, địa phương.

4. Thúc đẩy vận động, thu hút nguồn lực

- Mô tả các nguồn lực thực hiện Kế hoạch hành động triển khai Đề án của Đơn vị, địa phương.

- Số lượng hoạt động thu hút vận động được nguồn lực thực hiện trên tổng số nhu cầu cần có để thực hiện Kế hoạch hành động triển khai Đề án 161.

- Có thu hút vận động được kinh phí độc lập cho thực hiện Kế hoạch hành động triển khai Đề án 161 hay không? Mức độ thu hút vận động như thế nào? Cho những nội dung gì? bao nhiêu? Nguồn lực thu hút và vận động được phân chia theo các nhóm như thế nào (nhà nước, NGOs...)?

- Nêu những thuận lợi, khó khăn trong triển khai nội dung này khi thực hiện Kế hoạch hành động của đơn vị, địa phương.

5. Hoàn thiện hệ thống tổ chức và nâng cao năng lực cán bộ phù hợp với chức năng nhiệm vụ để thực hiện Đề án, thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025.

- Số lượng nội dung/hoạt động đã/đang thực hiện

- Nêu rõ cách thức thực hiện để hoàn thiện hệ thống tổ chức và nâng cao năng lực cán bộ đã/đang thực hiện? thực hiện ở mức độ nào so với kế hoạch đề ra?

- Nêu những thuận lợi, khó khăn trong triển khai nội dung này khi thực hiện Kế hoạch hành động của đơn vị, địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Đóng góp của các hoạt động cho việc thực hiện Đề án 161:

Mục tiêu của nội dung này nhằm đánh giá xem các hoạt động có đáp ứng được các mục tiêu của Đề án 161 hay không. Cụ thể trong báo cáo cần nêu rõ:

- Các hoạt động của các đơn vị, địa phương phù hợp với mục tiêu của Đề án 161 ở mức độ nào?

- Việc thực hiện Đề án góp phần mang lại lợi ích gì cho đơn vị, địa phương và người dân?

2. Hiệu quả của các hoạt động

Mục tiêu của nội dung này nhằm xem các biện pháp và hành động trong Đề án 161 đã được thực hiện hiệu quả ở các cấp hay chưa.

Các nội dung đánh giá 2 sẽ hướng tới trả lời được các câu hỏi sau:

- Việc triển khai Đề án 161 đã đạt được các mục tiêu theo kế hoạch hay chưa? Ở mức độ nào?

- Các kế hoạch/chương trình thuộc Đề án có được thực hiện đúng hạn không?

- Các hoạt động có nhằm tới đúng đối tượng không?

- Ngân sách được phân bổ có được sử dụng hiệu quả cho các hoạt động/ dự án trong các kế hoạch công tác của các cơ quan chuyên ngành/sở ngành hay không?

- Hạn chế/ thách thức chính trong việc thực hiện các hoạt động của Đề án 161?

3. Cơ chế ở cấp ngành và các vấn đề liên ngành, liên trụ cột

Mục tiêu của nội dung này nhằm đánh giá các cơ chế về thể chế, bao gồm sự tham gia của các bên liên quan, việc thực hiện các hoạt động của Đề án 161 và trong việc giải quyết vấn đề liên ngành giữa các lĩnh vực và giữa các trụ cột của Cộng đồng ASEAN

Các nội dung đánh giá mục 3 sẽ hướng tới việc trả lời được các câu hỏi sau đối với cơ chế thể chế ở cấp chuyên ngành/ lĩnh vực và các vấn đề liên ngành (về mặt thể chế, tổ chức):

- Việc triển khai các hoạt động của Đề án 161 có nhất quán và gắn kết và được điều phối với nhau như thế nào? Đối với các Đơn vị: việc thực hiện các hoạt động phù hợp với KHTT của Cộng đồng của các cơ quan chuyên ngành có nhất quán và gắn kết như thế nào? Số hoạt động/ dự án liên ngành, liên trụ cột có tăng thêm không sau khi có Đề án?

- Quan hệ đối tác với các bên liên quan bên ngoài (các tổ chức chính trị - xã hội, các nhà tài trợ cá nhân và tập thể...) trong thực hiện Đề án 161 như thế nào? Làm thế nào nó có thể được tăng cường quan hệ đối tác?

4. Đánh giá biện pháp thực hiện

Mục tiêu của nội dung này nhằm đánh giá về các biện pháp thực hiện, bao gồm, (i) lồng ghép các chiến lược, mục tiêu và hành động của Đề án 161 trong các kế hoạch hành động phát triển của đơn vị và địa phương; (ii) tăng cường năng lực của đầu mối thực hiện Đề án 161; (iii) chiến lược và hoạt động truyền thông; (iv) theo dõi và đánh giá.

Các nội dung đánh giá mục 4 sẽ hướng tới trả lời được các câu hỏi sau:

- Các chiến lược, mục tiêu và hành động trong Đề án 161 được lồng ghép ở mức độ nào trong quá trình xây dựng chính sách? Ví dụ:

- Việc triển khai Đề án 161 có phù hợp với các ưu tiên của quốc gia và địa phương không?

- Các biện pháp thực hiện (là các chiến lược, mục tiêu và hành động) trong Đề án 161 được đưa vào các chính sách và kế hoạch hành động phát triển của đơn vị và địa phương ở mức độ nào?

- Đối với các Đơn vị: Các chiến lược/hành động của KHTT 2025 được thực hiện ở cấp quốc gia đến mức độ nào?

- Có các chiến lược và hoạt động nâng cao năng lực hỗ trợ cho việc thực hiện Đề án 161 không? Các hoạt động này có góp phần tăng cường năng lực của các đơn vị đầu mối, các đơn vị tham gia thực hiện Đề án 161, của doanh nghiệp và người dân hay không?

- Chiến lược và các hoạt động truyền thông hiện hỗ trợ cho việc triển khai Đề án 161 tới mức độ nào?

- Hệ thống giám sát và đánh giá và các hoạt động hiện có hỗ trợ cho việc triển khai Đề án 161 tới mức độ nào (cơ chế về giám sát và báo cáo theo các cấp độ)?

5. Nguồn lực

Mục tiêu của nội dung này nhằm đánh giá về việc huy động nguồn lực và tính sẵn có cũng như hiệu quả của nguồn lực tài chính và nhân lực trong việc thực hiện Đề án 161 trong 5 năm vừa qua cũng như các yêu cầu về nguồn lực hiện tại và tương lai và khả năng thiếu hụt về tài chính nhằm duy trì các kết quả đạt được của Đề án 161 cho đến cuối năm 2025.

Các nội dung đánh giá 5 sẽ hướng tới trả lời được các câu hỏi sau:

- Các nguồn tài chính để thực hiện Đề án 161 là gì? Đối với các đơn vị tham gia hợp tác ASEAN: nguồn tài chính để thực hiện cách hoạt động cấp khu vực trong kế hoạch công tác của các cơ quan chuyên ngành trong giai đoạn 2016-2020 từ đâu?
- Việc huy động tài chính để thực hiện Đề án 161 đã được quản lý hiệu quả chưa?
- Những thách thức trong việc tài trợ cho việc thực hiện các hoạt động của Đề án 161 và các hoạt động hợp tác khu vực (của các đơn vị) là gì?
- Các bộ/ngành/địa phương có đủ ngân sách để thực hiện các hoạt động Đề án 161 không?
- Các dự án đã được thực hiện hiệu quả đến mức nào?
- Có đủ cán bộ để triển khai các hoạt động trong Kế hoạch hành động của các ngành và địa phương hay không?
- Về nguồn nhân lực, việc triển khai Đề án 161 có đủ nhân viên và nguồn nhân lực có trình độ/năng lực không?

6. Bài học kinh nghiệm và Điển hình tốt, câu chuyện tiêu biểu

6.1 Bài học kinh nghiệm

6.2 Điển hình tốt

Các trường hợp điển hình sẽ giúp đánh giá có cái nhìn sâu sắc hơn về các sáng kiến quan trọng trong các cơ quan chuyên ngành từ trung ương đến địa phương. Nội dung chia sẻ về các trường hợp điển hình bao gồm:

- Các hoạt động chính (5W – Hoạt động nào? ai tham gia/ thực hiện, thực hiện như thế nào, thực hiện khi nào, các lý do/nguyên nhân giải thích - và 1H – thực hiện bằng cách nào);
- Thách thức;
- Tiến độ và thành tích đạt được;
- Bài học rút ra.

Các câu chuyện sẽ được tổng hợp từ báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Đề án của các đơn vị và địa phương (*làm theo Mẫu 2*)

7.3 Các câu chuyện tiêu biểu

Báo cáo sơ kết cũng hướng tới thu thập các câu chuyện về lợi ích mang lại cho con người từ những hoạt động liên quan của Đề án và Kế hoạch của các đơn vị và địa phương. Các câu chuyện này sẽ cung cấp thêm thông tin về hiệu quả và sự đóng góp cho các mục tiêu của Kế hoạch tổng thể Cộng đồng VHXH ASEAN 2025. Những câu chuyện như vậy sẽ cung cấp bằng chứng rằng các hoạt động và dự án của Cộng đồng VHXH ASEAN có tác động đến cuộc sống của người dân (*làm theo mẫu 3*). Các câu chuyện được tổng hợp từ các báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Kế hoạch hành động triển khai Đề án của các Đơn vị và địa phương. .

IV. ĐỀ XUẤT

Các nội dung đề xuất hướng tới thúc đẩy thực hiện Đề án hiệu quả hơn ở giai đoạn tiếp theo 2021-2025

ĐƠN VI.....**BÁO CÁO SÁNG KIẾN ĐIỂN HÌNH TRONG 5 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CỘNG ĐỒNG VĂN HOÁ – XÃ HỘI ASEAN ĐẾN NĂM 2025**

Sáng kiến/điển hình là những hoạt động: 1/Có mối liên hệ chặt chẽ với Kế hoạch hành động thực hiện Đề án 161 của các địa phương, liên quan đến năm mục tiêu của Kế hoạch tổng thể Cộng đồng VHXH ASEAN 2025, đó là có sự tham gia và mang lại lợi ích cho người dân, hoà nhập, bền vững, tự cường và năng động; 2/Thể hiện rõ vai trò của Sở, ngành của các địa phương trong thực hiện Kế hoạch

1. Tên cơ quan/đơn vị:
2. Nêu tên chương trình/dự án/hoạt động làm trường hợp điển hình
3. Lý do để hoạt động đó là điển hình (vì quy mô lớn? vì là một thực tiễn tốt/giải quyết vấn đề hiện nay...)
4. Mô tả về sáng kiến:
 - Những ai tham gia thực hiện sáng kiến? Ai là người hưởng lợi từ sáng kiến, điển hình này?
 - Sáng kiến/điển hình được thực hiện như thế nào?
 - Nội dung của sáng kiến/điển hình là gì?
 - Sáng kiến/điển hình được thực hiện bằng công cụ/phương tiện/cách thức nào?
 - Nguồn tài chính và việc sử dụng nguồn tài chính để triển khai sáng kiến này như thế nào?
 - Những thách thức, khó khăn khi thực hiện sáng kiến/điển hình là gì?
 - Những bài học kinh nghiệm để thực hiện thành công sáng kiến/điển hình là gì?
 - Sáng kiến/điển hình/thành tựu này đóng góp như thế nào cho cộng đồng?
 - Sáng kiến/điển hình/thành tựu này đóng góp như thế nào cho Kế hoạch thực hiện Đề án 161?

Các chủ đề có thể phù hợp để báo cáo sáng kiến điển hình

- A.2. Người dân được tăng cường năng lực và các thể chế được củng cố.
- B.1. Giảm rào cản: Tăng cường năng lực để giảm các rào cản và tăng cường hoà nhập cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, lao động di cư và nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.
- B.2. Tiếp cận công bằng cho tất cả: Sự tiếp cận công bằng của cộng đồng đối với các dịch vụ cơ bản [và thông tin thông qua các cơ chế được tăng cường.
- B.3. Thúc đẩy và bảo vệ quyền con người: Quyền con người được lồng ghép trong các chính sách, chiến lược và chương trình cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, người lao động di cư, và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.
- C.1. Bảo tồn và quản lý bền vững đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên: Tăng cường môi trường thuận lợi cho việc bảo vệ các lợi ích bền vững từ tài nguyên môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- C.2. Thành phố bền vững về môi trường: Tăng cường các sáng kiến bền vững về môi trường bao gồm lập kế hoạch và quản lý tài nguyên thiên nhiên (đất, nước và không khí) có sự tham gia của các thành phố trong các quốc gia thành viên ASEAN để cải thiện chất lượng cuộc sống ở ASEAN.
- C.3. Khí hậu bền vững: Tăng cường hợp tác khu vực và khả năng của các quốc gia thành viên ASEAN để thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu phù hợp với các thỏa thuận quốc tế.
- C.4. Tiêu thụ và sản xuất bền vững: Tăng cường tích hợp các chiến lược sản xuất và tiêu dùng bền vững (SCP) và các thực tiễn tốt nhất trong các chính sách quốc gia và khu vực và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- D.1. Một ASEAN kiên cường trước thảm họa có thể dự đoán, ứng phó, đối phó, thích nghi và xây dựng lại tốt hơn, thông minh hơn và nhanh hơn:

- Tăng cường quản lý chính sách, sự gắn kết và năng lực hướng tới xây dựng một ASEAN kiên cường trước thảm họa, có khả năng dự đoán, ứng phó, đối phó, thích nghi và hồi phục tốt hơn, thông minh hơn và nhanh hơn.
- Giảm rủi ro thiên tai thông qua việc tăng cường thực hiện các thỏa thuận khu vực và quốc tế cho phép: nâng cao hiểu biết về rủi ro thiên tai; tăng cường quản trị rủi ro thiên tai; tăng đầu tư cho khả năng phục hồi; và tăng cường lập kế hoạch phòng chống thiên tai.
- D.2. Một ASEAN an toàn hơn có thể ứng phó với tất cả các mối nguy liên quan đến sức khỏe bao gồm các mối đe dọa sinh học, hóa học và phóng xạ-hạt nhân và các mối đe dọa mới nổi: Tăng cường hệ thống y tế khu vực liên kết với các khuôn khổ, mạng lưới và cơ chế khu vực và quốc tế để đối phó với các mối nguy liên quan đến sức khỏe và các mối đe dọa mới nổi trong các quốc gia thành viên ASEAN.
- D.3. Một ASEAN thích ứng với khí hậu với các năng lực thể chế và con người được nâng cao để thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu: Tăng cường hợp tác khu vực và khả năng của các quốc gia thành viên ASEAN để thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu phù hợp với các thỏa thuận quốc tế.
- D.4. Tăng cường an sinh xã hội cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, nhóm dân tộc thiểu số, người lao động di cư, nhóm dễ bị tổn thương và bị thiệt thòi, và những người sống ở vùng có nguy cơ, bao gồm cả những người sống ở vùng xa và biên giới và Các khu vực nhạy cảm với khí hậu, để giảm thiểu rủi ro trong các thời điểm khủng hoảng liên quan đến biến đổi khí hậu, thảm họa và các thay đổi môi trường khác: Tăng cường an sinh xã hội cho phụ nữ, trẻ em, thanh niên người già, người khuyết tật, người lao động di cư và các nhóm bị thiệt thòi để giảm thiểu rủi ro trong thời kỳ khủng hoảng, biến đổi khí hậu và các thay đổi môi trường khác.
- D.5. Các hệ thống tài chính được tăng cường và tối ưu hóa, cũng như thực phẩm, nước, năng lượng và các mạng lưới an sinh xã hội khác trong thời kỳ khủng hoảng bằng cách làm cho các nguồn lực có nhiều hơn, dễ tiếp cận hơn, giá cả phải chăng và bền vững hơn: Cải thiện sự phối hợp khu vực giúp tăng cường và tối ưu hóa các hệ thống tài chính, thực phẩm, nước, năng lượng và các mạng lưới an sinh xã hội khác trong thời kỳ khủng hoảng.
- D.6. nỗ lực hướng tới một ASEAN "Không có ma túy": Tăng cường nâng cao nhận thức về vấn đề lạm dụng ma túy và các sáng kiến về sức khỏe tâm thần và phục hồi chức năng được thực hiện trong tất cả các quốc gia thành viên ASEAN hướng tới một ASEAN không có ma túy.
- E.1. Hướng tới một ASEAN mở và thích ứng:
 - Tăng cường trao đổi thông tin cởi mở và tiếp cận thông tin giữa tất cả các cơ quan ASEAN trong các trụ cột và đối tác đối thoại để hỗ trợ hợp tác và hội nhập
 - Làm sâu sắc và củng cố bản sắc ASEAN giữa các dân tộc ASEAN và cộng đồng quốc tế.
- E.2. Hướng tới một ASEAN sáng tạo, đổi mới và đáp ứng
 - Người dân ASEAN và cộng đồng quốc tế được cải thiện tầm nhìn và hiểu biết về lợi ích của hội nhập ASEAN .
 - Tăng cường hỗ trợ cho nghiên cứu, đổi mới và phát triển theo hướng tạo ra một ASEAN sáng tạo và đáp ứng.
 - Nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực thông qua nâng cao năng lực.
 - Tăng cường hỗ trợ cho các ngành công nghiệp sáng tạo có tiềm năng tạo ra của cải và việc làm.
- E.3. Tạo nên một nền văn hóa kinh doanh trong ASEAN: Nâng cao sự tham gia vào kinh doanh của thanh niên, người khuyết tật, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.

ĐƠN VI/ĐỊA PHƯƠNG.....

BÁO CÁO VỀ CÁC CÂU CHUYỆN TIÊU BIỂU TRONG 5 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CỘNG ĐỒNG VĂN HOÁ – XÃ HỘI ASEAN ĐẾN NĂM 2025

Câu chuyện là một báo cáo trần thuật của ngành/huyện/thị xã/thành phố với độ giả về những thay đổi đã xảy ra với người thụ hưởng của chương trình, dự án thực hiện bởi các cơ quan chuyên ngành từ trung ương đến địa phương liên quan đến năm đặc điểm của Kế hoạch tổng thể Cộng đồng VHXH ASEAN 2025, đó là có sự tham gia của người dân và mang lại lợi ích cho người dân, hoà nhập, bền vững, tự cường và năng động.

Câu chuyện nhằm mục đích chứng minh những tác động và thực tiễn tốt từ các sáng kiến liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án 161. Phạm vi của các câu chuyện về lợi ích của con người không chỉ giới hạn ở mức cá nhân mà còn có thể ở cấp độ tổ chức. Câu chuyện về sự thay đổi phải tương ứng với ít nhất một tuyên bố kết quả cuối cùng và hoặc các chỉ số kết quả chính (có thể kèm theo thông tin bổ sung như hình ảnh, video, v.v...)

1. Tên cơ quan/đơn vị:
2. Tên của câu chuyện tiêu biểu
3. Nội dung câu chuyện:
 - Bối cảnh của câu chuyện
 - Câu chuyện nói về ai/cái gì? xảy ra ở đâu? Khi nào? Diễn biến ra sao?
 - Câu chuyện làm thay đổi điều gì/đem lại lợi ích gì cho cộng đồng? cho Kế hoạch thực hiện Đề án 161? Cho chính quyền.v.v...?

Các chủ đề có thể phù hợp để ghi nhận các câu chuyện tiêu biểu

- A.2. Người dân được tăng cường năng lực và các thể chế được củng cố.
- B.1. Giảm rào cản: Tăng cường năng lực để giảm các rào cản và tăng cường hoà nhập cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, lao động di cư và nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.
- B.2. Tiếp cận công bằng cho tất cả: Sự tiếp cận công bằng của cộng đồng đối với các dịch vụ cơ bản [và thông tin thông qua các cơ chế được tăng cường.
- B.3. Thúc đẩy và bảo vệ quyền con người: Quyền con người được lồng ghép trong các chính sách, chiến lược và chương trình cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, người lao động di cư, và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.
- C.1. Bảo tồn và quản lý bền vững đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên: Tăng cường môi trường thuận lợi cho việc bảo vệ các lợi ích bền vững từ tài nguyên môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- C.2. Thành phố bền vững về môi trường: Tăng cường các sáng kiến bền vững về môi trường bao gồm lập kế hoạch và quản lý tài nguyên thiên nhiên (đất, nước và không khí) có sự tham gia của các thành phố trong các quốc gia thành viên ASEAN để cải thiện chất lượng cuộc sống ở ASEAN.
- C.3. Khí hậu bền vững: Tăng cường hợp tác khu vực và khả năng của các quốc gia thành viên ASEAN để thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu phù hợp với các thỏa thuận quốc tế.
- C.4. Tiêu thụ và sản xuất bền vững: Tăng cường tích hợp các chiến lược sản xuất và tiêu dùng bền vững (SCP) và các thực tiễn tốt nhất trong các chính sách quốc gia và khu vực và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- D.1. Một ASEAN kiên cường trước thảm họa có thể dự đoán, ứng phó, đối phó, thích nghi và xây dựng lại tốt hơn, thông minh hơn và nhanh hơn:

- Tăng cường quản lý chính sách, sự gắn kết và năng lực hướng tới xây dựng một ASEAN kiên cường trước thảm họa, có khả năng dự đoán, ứng phó, đối phó, thích nghi và hồi phục tốt hơn, thông minh hơn và nhanh hơn.
- Giảm rủi ro thiên tai thông qua việc tăng cường thực hiện các thỏa thuận khu vực và quốc tế cho phép: nâng cao hiểu biết về rủi ro thiên tai; tăng cường quản trị rủi ro thiên tai; tăng đầu tư cho khả năng phục hồi; và tăng cường lập kế hoạch phòng chống thiên tai.
- D.2. Một ASEAN an toàn hơn có thể ứng phó với tất cả các mối nguy liên quan đến sức khỏe bao gồm các mối đe dọa sinh học, hóa học và phóng xạ-hạt nhân và các mối đe dọa mới nổi: Tăng cường hệ thống y tế khu vực liên kết với các khuôn khổ, mạng lưới và cơ chế khu vực và quốc tế để đối phó với các mối nguy liên quan đến sức khỏe và các mối đe dọa mới nổi trong các quốc gia thành viên ASEAN.
- D.3. Một ASEAN thích ứng với khí hậu với các năng lực thể chế và con người được nâng cao để thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu: Tăng cường hợp tác khu vực và khả năng của các quốc gia thành viên ASEAN để thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu phù hợp với các thỏa thuận quốc tế.
- D.4. Tăng cường an sinh xã hội cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, nhóm dân tộc thiểu số, người lao động di cư, nhóm dễ bị tổn thương và bị thiệt thòi, và những người sống ở vùng có nguy cơ, bao gồm cả những người sống ở vùng xa và biên giới và Các khu vực nhạy cảm với khí hậu, để giảm thiểu rủi ro trong các thời điểm khủng hoảng liên quan đến biến đổi khí hậu, thảm họa và các thay đổi môi trường khác: Tăng cường an sinh xã hội cho phụ nữ, trẻ em, thanh niên người già, người khuyết tật, người lao động di cư và các nhóm bị thiệt thòi để giảm thiểu rủi ro trong thời kỳ khủng hoảng, biến đổi khí hậu và các thay đổi môi trường khác.
- D.5. Các hệ thống tài chính được tăng cường và tối ưu hóa, cũng như thực phẩm, nước, năng lượng và các mạng lưới an sinh xã hội khác trong thời kỳ khủng hoảng bằng cách làm cho các nguồn lực có nhiều hơn, dễ tiếp cận hơn, giá cả phải chăng và bền vững hơn: Cải thiện sự phối hợp khu vực giúp tăng cường và tối ưu hóa các hệ thống tài chính, thực phẩm, nước, năng lượng và các mạng lưới an sinh xã hội khác trong thời kỳ khủng hoảng.
- D.6. Nỗ lực hướng tới một ASEAN "Không có ma túy": Tăng cường nâng cao nhận thức về vấn đề lạm dụng ma túy và các sáng kiến về sức khỏe tâm thần và phục hồi chức năng được thực hiện trong tất cả các quốc gia thành viên ASEAN hướng tới một ASEAN không có ma túy.
- E.1. Hướng tới một ASEAN mở và thích ứng:
 - Tăng cường trao đổi thông tin cởi mở và tiếp cận thông tin giữa tất cả các cơ quan ASEAN trong các trụ cột và đối tác đối thoại để hỗ trợ hợp tác và hội nhập
 - Làm sâu sắc và củng cố bản sắc ASEAN giữa các dân tộc ASEAN và cộng đồng quốc tế.
- E.2. Hướng tới một ASEAN sáng tạo, đổi mới và đáp ứng
 - Người dân ASEAN và cộng đồng quốc tế được cải thiện tầm nhìn và hiểu biết về lợi ích của hội nhập ASEAN .
 - Tăng cường hỗ trợ cho nghiên cứu, đổi mới và phát triển theo hướng tạo ra một ASEAN sáng tạo và đáp ứng.
 - Nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực thông qua nâng cao năng lực.
 - Tăng cường hỗ trợ cho các ngành công nghiệp sáng tạo có tiềm năng tạo ra của cải và việc làm.
- E.3. Tạo nên một nền văn hóa kinh doanh trong ASEAN: Nâng cao sự tham gia vào kinh doanh của thanh niên, người khuyết tật, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.